| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐOAN HÙNG**<br>**TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 05/2018/DS-ST<br>Ngày: 28/9/2018<br>V/v thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Vũ Thường

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Hà Lương Tuấn

Ông Nguyễn Văn Bình

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Trường Thọ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên toà:*** Bà Vũ Kim Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2016/TLST- DS, ngày 04/10/2016 về việc "Thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/QĐXXST-DS, ngày 16/7/2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Quỹ tín dụng nhân dân xã HL

Địa chỉ: Xã HL, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

- *Bị đơn*:

1. Bà Dương Thị H1, sinh năm 1971

Cư trú tại: Thôn 8, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

2. Anh Lương Hồng P, sinh năm 1995

Cư trú tại: Thôn 8, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

3. Chị Lương Thị T, sinh năm 1990

Cư trú tại: Thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang

Ông H có mặt. Bà H1, chị T, anh P vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Quỹ tín dụng nhân dân xã HL (sau đây viết tắt là Quỹ) trình bày: Ngày 12/7/2012 ông

Lương Huy H2, trú tại thôn 8, xã V, huyện Đ (ông H2 là chồng bà Dương Thị H1 và là bố đẻ của chị Lương Thị T, anh Lương Hồng P) có vay của Quỹ số tiền 240.000.000đ, với mục đích làm trang trại chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình, thời hạn vay 12 tháng với lãi suất theo thỏa thuận. Khi vay tiền ông H2 có ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản, thế chấp nhà và đất của vợ chồng ông H2 thuộc thửa đất số 326, tờ bản đồ số 19, diện tích 1189m2 tại thôn 8, xã V (thửa đất này đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/6/2003 mang tên hộ ông Lương Huy H2). Con trai ông H2 là Lương Hồng P ký nhận vào các hợp đồng trên. Sau khi vay vốn ông H2 không trả gốc và lãi theo thỏa thuận, mà sử dụng vốn vay không đúng mục đích. Quỹ đã làm việc đôn đốc, nhắc nhở đòi nợ nhiều lần nhưng ông H2 đều không thực hiện. Đến ngày 11/02/2015, ông H2 bị tai nạn chết, toàn bộ tiền gốc, tiền lãi đến nay vẫn chưa trả cho Quỹ. Đến nay Quỹ đề nghị những người thừa kế của ông H2 gồm bà H1, chị T và anh P phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Quỹ số tiền 240.000.000đ trong phạm vi di sản của ông H2 để lại. Quỹ chỉ yêu cầu trả tiền gốc, không yêu cầu tính lãi. Đối với việc thế chấp tài sản của ông H2 khi vay vốn, do việc thực hiện thế chấp tài sản không đúng quy định nên Quỹ sẽ có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H1.

Bị đơn là bà Dương Thị H1 trình bày: Năm 2012 khi ông H2 vay tiền của Quỹ thì bà đang lao động tại Malaxia, không có mặt ở nhà nên việc ông H2 vay tiền và chi tiêu thế nào bà hoàn toàn không biết. Khi bà về nước có biết việc ông H2 vay tiền và cũng có nhiều lần Quỹ mời vợ chồng bà đến UBND xã V làm việc. Sau đó bà biết việc ông H2 vay tiền của Quỹ là cho vợ chồng em trai là Lương Huy C vay lại, bà cũng có gặp vợ chồng ông C đòi nhiều lần để trả nợ cho Quỹ nhưng vợ chồng ông C đều khất lần không trả. Toàn bộ tài sản chung của vợ chồng bà gồm nhà và đất mà ông H2 đã thế chấp cho Quỹ hiện nay bà đang quản lý. Việc ông H2 vay tiền thế nào bà hoàn toàn không biết nên đến nay Quỹ khởi kiện yêu cầu bà thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho ông H2 bà không nhất trí.

Chị Lương Thị T và anh Lương Hồng P trình bày: Việc ông H2 là bố đẻ của anh chị vay tiền thế nào anh chị đều không biết. Toàn bộ tài sản (gồm nhà và đất) là tài sản của của ông H2 và bà H1. Anh chị không có công sức đóng góp gì, cũng không có phần trong đó. Hiện toàn bộ tài sản của bố mẹ do bà H1 quản lý. Tuy anh chị có phần thừa kế di sản của ông H2 để lại nhưng bà H1 quản lý toàn bộ nên bà H1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và xác định: Hoạt động tố tụng dân sự của Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng trong việc thụ lý, thu thập chứng cứ, giải quyết và xét xử đối với vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ, buộc bà Dương Thị H1, chị Lương Thị T và anh Lương Hồng P phải có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân xã HL số tiền 240.000.000đ trong phạm vi di sản của ông Lương Huy H2 để lại.

Tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản giữa Quỹ tín dụng nhân dân xã HL với ông Lương Huy H2 ngày 12/7/2012 là vô hiệu. Quỹ tín dụng nhân dân xã HL có trách nhiệm trả lại cho bà Dương Thị H1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 581275 của UBND huyện Đ cấp ngày 05/6/2003 mang tên hộ ông Lương Huy H2.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Quỹ tín dụng nhân dân xã HL không phải nộp án phí. Bà Dương Thị H1, chị Lương Thị T, anh Lương Hồng P phải nộp 12.000.000đ, trong phạm vi di sản của ông H2 để lại.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn là Quỹ tín dụng nhân dân xã HL yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của ông Lương Huy H2 là bà Dương Thị H1, chị Lương Thị T và anh Lương Hồng P thực hiện nghĩa vụ do ông H2 đã chết để lại, trả nợ cho Quỹ số tiền đã vay là 240.000.000đ, đồng thời Quỹ cũng xác định hợp đồng thế chấp tài sản không có hiệu lực, nhất trí trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H1, nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại và tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản vô hiệu".

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Khi ông Lương Huy H2 chết chỉ còn vợ là bà Dương Thị H1 và hai con chung là Lương Thị T và Lương Hồng P còn bố mẹ ông H2 đều đã chết (ông H2 không có con riêng, con nuôi, bố mẹ nuôi). Căn cứ vào Điều 676 Bộ luật dân sự 2005, xác định vợ ông H2 là bà Dương Thị H1, các con ông H2 là Lương Thị T và Lương Hồng P là hàng thừa kế thứ nhất của ông H2 tham gia với tư cách đồng bị đơn.

[3] .Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Dương Thị H1, chị Lương Thị T và anh Lương Hồng P đều vắng mặt. Bà Dương Thị H1 đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Chị Lương Thị T và anh Lương Hồng P xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[4] . Về nội dung vụ án: Theo tài liệu chứng cứ do Quỹ cung cấp, thì ngày 12/7/2012 giữa Quỹ và ông H2 ký kết hợp đồng tín dụng với nội dung: Ông H2 vay của Quỹ số tiền 240.000.000đ để làm trang trại chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay theo thỏa thuận. Khi ký kết hợp đồng các bên đều hoàn toàn tự nguyện, có năng lực hành vi đầy đủ, nội dung phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết. Số tiền ông H2 vay cũng đã được ông H2 ký nhận, thể hiện ở phiếu chi ngày 12/7/2012. Tuy trong hợp đồng có ghi tên người thừa kế là Lương Hồng P, nhưng anh P không thừa nhận ký, đến nay Quỹ cũng xác định số tiền 240.000.000đ do ông H2 trực tiếp vay và ký nhận, anh P không liên quan đến số tiền này.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay giữa ông H2 với Quỹ thì ông H2 đã vi phạm hợp đồng tín dụng là không đóng lãi và trả tiền gốc cho Quỹ đúng như

thỏa thuận theo hợp đồng, để hợp đồng kéo dài đến nay là đã vi phạm vào Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự 2005.

Theo Điều 471 Bộ luật dân sự 2005 có quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định.

Tại Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 có quy định: " Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".

Căn cứ vào Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005 thì ông H2 phải trả số tiền vay và tiền lãi theo hợp đồng đã ký kết cho Quỹ. Tuy nhiên, hiện nay ông H2 đã chết nên Quỹ khởi kiện yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của ông H2 là bà Dương Thị H1 và các con là Lương Thị T và Lương Hồng P có nghĩa vụ trả nợ cho ông H2 trong phạm vi khối di sản của ông H2 để lại là phù hợp với Điều 673 Bộ luật dân sự năm 2005, nay là Điều 615 của Bộ luật dân sự 2015.

Điều 615 Bộ luật dân sự 2015 có quy định thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại như sau:

1. Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Trường hợp di sản chưa được chia thì nghĩa vụ tài sản do người chết để lại được người quản lý di sản thực hiện theo thỏa thuận của những người thừa kế trong phạm vi di sản do người chết để lại.

3.....".

Như vậy, ngày 11/02/2015 ông H2 chết (ông H2 chết tai nạn, khi chết không có di chúc) được xác định là ngày mở di sản thừa kế của ông H2. Trong quá trình giải quyết, bà H1, chị T và anh P đều xác nhận, tài sản hiện bà H1 đang quản lý gồm 1189m2 đất (trong đó có 300m2 đất ở và 889m2 đất vườn), 01 nhà xây cấp ba và 01 bếp xây, các công trình phụ và các cây cối lâm lộc trên đất đều là tài sản chung của bà H1 và ông H2. Chị T và anh P không có phần nào trong khối tài sản chung đó. Ngoài các tài sản trên ông H2 không có tài sản nào khác. Do vậy trong khối tài sản chung này xác định bà H1 có ½, còn ½ là di sản của ông H2 để lại. Bà H1, chị T và anh P cũng xác nhận khi chết ông H2 chỉ nợ duy nhất số tiền vay của Quỹ, ngoài ra không nợ ai khác. Do đó, bà H1, chị T, anh P là những người ở hàng thừa kế thứ nhất được hưởng thừa kế di sản này phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền ông H2 vay của Quỹ trong phạm vi di sản của ông H2 để lại.

Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản của khách hàng vay vốn ngày 12/7/2012 giữa Quỹ và ông H2. Hội đồng xét xử xét thấy thửa đất số 326, tờ bản đồ số 19, diện tích 1189m2 đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/6/2003 cho hộ ông Lương Huy H2, đây là tài sản chung của vợ chồng ông Lương Huy H2, bà Dương Thị H1. Tại Điều 219 Bộ luật dân sự 2005 có quy định "Tài sản chung của vợ chồng là tài sản chung hợp nhất". Tại Điều 27, 28 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định về quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung phải được vợ chồng bàn bạc, thỏa thuận. Trong Hợp đồng này tự ông

H2 xác lập, định đoạt về tài sản chung, hơn nữa hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất cũng không được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại Điều 323 của Bộ luật dân sự năm 2005, Nghị định số 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định 11/2012/NĐ-CP; Nghị định số 83/2010/NĐ-CP, ngày 23/7/2010 về đăng ký giao dịch bảo đảm và Thông tư liên tịch số: 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT của Bộ tài nguyên môi trường và Bộ tư pháp hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. Do vậy hợp đồng thế chấp tài sản này vô hiệu.

Theo Điều 137 Bộ luật dân sự 2005, quy định hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu:

1.Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên từ thời điểm xác lập.

2. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; nếu không hoàn trả bằng hiện vật thì phải hoàn trả bằng tiền, trừ trường hợp tài sản giao dịch, hoa lợi, lợi túc thu được bị tịch thu theo quy định của pháp luật. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường.

Đến nay Quỹ cũng nhất trí đề nghị trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H1, không ai yêu cầu Tòa án xét lỗi hợp đồng vô hiệu để yêu cầu người có lỗi bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Như vậy số tiền của ông H2 vay của Quỹ theo hợp đồng tín dụng không có tài sản thế chấp bảo đảm nghĩa vụ vay. Do đó cần buộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H2 là bà H1, chị T, anh P thực hiện nghĩa vụ trả cho Quỹ số tiền vay 240.000.000đ trong phạm vi di sản của ông H2 để lại như phân tích ở trên.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu được chấp nhận nên Quỹ không phải nộp án phí. Bà H1, chị T và anh P phải nộp án phí là 12.000.000đ.

Xét thấy, Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3, 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 137, 219, 323, 471, 474, 633, 634 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 614, 615 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 27, 28 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân xã HL.

2. Buộc bà Dương Thị H1, chị Lương Thị T và anh Lương Hồng P thực hiện nghĩa vụ do ông Lương Huy H2 đã chết để lại, trả cho Quỹ tín dụng nhân dân xã HL số tiền 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng) trong phạm vi di sản của ông Lương Huy H2 để lại là ½ giá trị trong khối tài sản chung với bà Dương Thị H1 gồm: 1189m2 đất (trong đó có 300m2 đất ở và 889m2 đất vườn) thuộc thửa đất số 326, tờ bản đồ số 19 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 581275 của UBND huyện Đoan Hùng cấp ngày 05/6/2003 mang tên hộ ông Lương Huy H2, 01 nhà xây cấp ba, 01 bếp xây, các công trình phụ và các cây cối lâm lộc trên đất, tại thôn 08, xã Vụ Quang, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

3. Tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản của khách hàng vay vốn ngày 12/7/2012 giữa Quỹ tín dụng nhân dân xã HL với ông Lương Huy H2 vô hiệu. Quỹ tín dụng nhân dân xã HL có trách nhiệm trả lại cho bà Dương Thị H1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 581275 của UBND huyện Đoan Hùng cấp ngày 05/6/2003 mang tên hộ ông Lương Huy H2.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Dương Thị H1, chị Lương Thị T, anh Lương Hồng P phải nộp 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) trong phạm vi di sản của ông Lương Huy H2 để lại.

Trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân xã HL số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), theo biên lai thu tiền số AA/2016/0004499, ngày 04/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án thep quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đại diện Quỹ tín dụng nhân dân xã HL có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà H1, chị T và anh P vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Lê Vũ Thường**